

Liên kết câu và liên kết đoạn văn - Bồi dưỡng HSG Ngữ Văn 9

I. Củng cố và mở rộng kiến thức

1. Khái niệm

Đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản. Đoạn văn là phần văn bản được quy ước bắt đầu từ chữ viết hoa lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng và thường biểu đạt một ý tương đối hoàn chỉnh. Đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành, nhưng không phải là tập hợp các câu ngẫu nhiên.

2. Cách trình bày nội dung trong một đoạn văn

Nội dung đoạn văn có thể được trình bày bằng nhiều cách, chẳng hạn:

- Đoạn văn trình bày theo phép diễn dịch: có câu chủ đề đứng đầu đoạn, nêu ý khái quát, các câu còn lại triển khai, cụ thể hoá ý câu chủ đề, làm nổi bật cho câu chủ đề, thông qua các thao tác giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận...

Ví dụ: Trần Đăng Khoa rất biết yêu thương. Em thương bác đẩy xe bò “mồ hôi ướt lưng, căng sợi dây thừng” chở vôi cát về xây trường học, và mời bác về nhà mình... Em thương thầy giáo một hôm trời mưa đường trơn bị ngã, cho nên dân làng bèn đắp lại đường.

(Theo Xuân Diệu)

- Đoạn văn trình bày theo phép quy nạp: có câu chủ đề đứng cuối đoạn, nêu lên ý kết luận, khái quát lại nội dung của các câu đứng trước. Các câu đứng trước được trình bày bằng các thao tác minh hoạ, lập luận, cảm nhận... hướng đến những nhận xét, đánh giá chung ở câu cuối đoạn.

Ví dụ: Cây lan, cây huệ, cây hồng nói chuyện bằng hương bằng hoa. Cây mơ, cây cải nói chuyện bằng lá. Cây bầu, cây bí nói bằng quả. Cây khoai, cây dong nói bằng củ, bằng rễ. Bao nhiêu thứ hoa, bấy nhiêu tiếng nói.

(Theo Trần Mạnh Hảo)

- Đoạn văn trình bày theo phép song hành: là đoạn văn không có câu chủ đề. Mỗi câu trong đoạn triển khai một hướng của chủ đề đoạn nhưng không có câu mang ý khái quát toàn đoạn, không có ý này bao quát ý kia hoặc ý này phụ thuộc vào ý kia. Các câu có quan hệ ngang hàng, bình đẳng nhau về ngữ pháp. Do vậy, loại đoạn văn này thường dùng phép lặp cú pháp.

Ví dụ: Mặt trời cuối thu nhọc nhằn chọc thủng màn sương, từ từ nhô lên ngàn cây trên dãy núi đồi lệt xệt. Bầu trời dần dần tươi sáng. Tất cả thung lũng đều hiện màu vàng. Hương vị thôn quê đầy vẻ quyến rũ ngào ngạt mùi lúa chín.

(Ngô Tất Tố)

3. Liên kết câu, liên kết đoạn văn

- Các đoạn văn trong một văn bản cũng như các câu trong một đoạn văn phải liên kết với nhau về nội dung và hình thức.

+Về nội dung:

+ Các câu, các đoạn phải cùng hướng đến chủ đề chung của đoạn, của văn bản (liên kết chủ đề).

+ Các câu, các đoạn phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lí, phù hợp với trình tự triển khai chủ đề của văn bản (liên kết lô-gíc).

+ Về hình thức, các câu, các đoạn được liên kết chặt chẽ với nhau bằng các phép liên kết sau:

+ Phép lặp từ ngữ: lặp lại ở câu đứng sau từ ngữ đã có ở câu đứng trước. Có ba cách lặp: lặp từ vựng (yếu tố lặp lại là các từ ngữ), lặp cấu trúc ngữ pháp (yếu tố lặp lại là cấu trúc ngữ pháp), lặp ngữ âm (yếu tố lặp lại là các âm tiết hoặc các vần).

Ví dụ:

*Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ
Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm
Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ*

(Bằng Việt)

+ Phép thế: sử dụng ở câu đứng sau những từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu đứng trước.

Ví dụ: Nguyễn Dữ người huyện Trường Tân. Chưa rõ ông sinh và mất năm nào. Ông là học trò xuất sắc của Nguyễn Bỉnh Khiêm. Nguyễn Dữ sống ở thế kỉ 16.

Đây là giai đoạn các tập đoàn phong kiến tranh giành quyền lực, chém giết lẫn nhau...

+ Phép nối: sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu đứng trước.

Ví dụ: Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ. (Nguyễn Đình Thi)

+ Phép sử dụng các từ ngữ đồng nghĩa, trái nghĩa, cùng trường liên tưởng: sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ đồng nghĩa, trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước.

Ví dụ: Đến lượt cô gái từ biệt. Cô chìa tay ra cho anh nắm, cẩn trọng, rõ ràng, như người ta cho nhau cái gì chứ không phải là cái bắt tay. (Nguyễn Thành Long)

- Giá trị của các phép liên kết: làm cho ý của cả đoạn hoặc của cả văn bản hướng vào việc thể hiện chủ đề, không xa rời đề tài; tạo thêm cho câu văn những sắc thái ý nghĩa kèm theo rất đa dạng, phong phú và tinh tế.

II- Luyện tập liên kết câu và liên kết đoạn văn

Bài tập

1. Phân tích cách trình bày nội dung của các đoạn văn sau:

a) Trong cuộc đời đầy truân chuyên của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với văn hoá nhiều nước, nhiều vùng trên thế giới, cả ở phương Đông và phương Tây. Trên những con tàu vượt trùng dương, Người đã ghé lại nhiều hải cảng, đã thăm các nước châu Phi, châu Á, châu Mỹ. Người đã từng sống dài ngày ở Pháp, ở Anh. Người nói và viết thạo nhiều thứ tiếng ngoại quốc: Pháp, Anh, Hoa, Nga... và Người đã làm nhiều nghề. Có thể nói ít có vị lãnh tụ nào lại am hiểu nhiều về các dân tộc và nhân dân thế giới, văn hoá thế giới sâu sắc như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đến đâu Người cũng học hỏi, tìm hiểu văn hoá, nghệ thuật đến một mức khá uyên thâm [...] Nhưng điều kì lạ là tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó đã nhào nặn với cái gốc văn hoá dân tộc không gì lay chuyển được ở Người, để trở thành một nhân cách rất Việt Nam, một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại [...].

(Lê Anh Trà, Phong cách Hồ Chí Minh)

b) Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ. Nếu đọc được 10 quyển sách không quan trọng, không bằng đem thời gian, sức lực đọc 10 quyển ấy mà đọc một quyển thật sự có giá trị. Nếu đọc được 10 quyển sách mà chỉ lướt qua, không bằng chỉ lấy một quyển mà đọc mười lần. “Sách củ trăm lần xem chẳng chán – Thuộc lòng, ngấm kĩ một mình hay”, hai câu thơ đó đáng làm lời răn cho mỗi người đọc sách.

(Chu Quang Tiềm, Bản về đọc sách)

c) [...] Tác phẩm vừa là kết tinh của tâm hồn người sáng tác, vừa là sợi dây truyền cho mọi người sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng. Nghệ sĩ giới thiệu với chúng ta một cảm giác, tình tự, một tư tưởng bằng cách làm sống hiển hiện ngay lên trong tâm hồn chúng ta cảm giác, tình tự, tư tưởng ấy. Nghệ thuật không đứng ngoài trở về cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy.

(Nguyễn Đình Thi, Tiếng nói của văn nghệ)

2. Phân tích tính liên kết nội dung và liên kết hình thức của các đoạn trích

sau:

a) Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam và có lẽ cả thế giới, có một vị Chủ tịch nước lấy chiếc nhà sàn nhỏ bằng gỗ bên cạnh chiếc ao làm “cung điện” của mình. Quả như một câu chuyện thần thoại, như câu chuyện về một vị tiên, một con người siêu phàm nào đó trong cổ tích. Chiếc nhà sàn đó cũng chỉ vẻn vẹn có vài phòng tiếp khách, họp Bộ Chính trị, làm việc và ngủ, với những đồ đạc rất mộc mạc đơn sơ. Và chủ nhân chiếc nhà sàn này cũng trang phục hết sức giản dị, với bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ, đôi dép lốp thô sơ như của các chiến sĩ Trường Sơn đã được một tác giả phương Tây ca ngợi như một vật thần kì. Hằng ngày, việc ăn uống của Người cũng rất đạm bạc, với những món ăn dân tộc không chút cầu kì, như cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa.

(Lê Anh Trà, Phong cách Hồ Chí Minh)

b) Mẹ ơi, trên mây có người gọi con:

“Bọn tớ chơi từ khi thức dậy cho đến lúc chiều tà. Bọn tớ chơi với bình minh vàng, bọn tớ chơi với vàng trắng bạc”.

Con hỏi: “Nhưng làm thế nào mình lên đó được?”.

Họ đáp: “Hãy đến nơi tận cùng trái đất, đưa tay lên trời, cậu sẽ được nhắc bổng lên tận tầng mây”.

“Mẹ mình đang đợi ở nhà” – con bảo – “Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?”.

(R. Ta-go, Mây và sóng)

3. Chỉ ra tính liên kết hình thức của các đoạn trích sau:

a) Người con trai ấy đáng yêu thật, nhưng làm cho ông nhọc quá. Với những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh. Và về những điều anh suy nghĩ trong cái vắng vẻ vời vợi hai nghìn sáu trăm mét trên mặt biển, cuộn cuộn tuôn ra khi gặp người. Những điều suy nghĩ đúng đắn bao giờ cũng có những vang âm, khơi gợi bao điều suy nghĩ khác trong óc người khác, có sẵn mà chưa rõ hay chưa được đúng.

(Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa)

b) Bỗng nhận ra hương ổi

Phả vào trong gió se

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về

Sông được lúc dềnh dàng

Chim bắt đầu vội vã

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu

(Hữu Thỉnh, Sang thu)

c) Tết năm nay là sự chuyển tiếp giữa hai thế kỉ, và hơn thế nữa, là sự chuyển tiếp giữa hai thiên niên kỉ. Trong thời khắc như vậy, ai ai cũng nói tới việc chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới, thiên niên kỉ mới.

Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất. Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử. Trong thế kỉ tới mà ai ai cũng thừa nhận rằng nền kinh tế trí thức sẽ phát triển mạnh mẽ thì vai trò con người lại càng nổi trội.

(Vũ Khoan, Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới)

4. Viết một đoạn văn (khoảng 20 dòng) nói về vẻ đẹp của một nhân vật văn học. Chỉ ra sự liên kết của đoạn văn vừa viết.

Gợi ý

1.a) Đoạn văn của Lê Anh Trà có sự liên kết chặt chẽ về nội dung và hình thức:

- Về nội dung:

+ Các câu trong đoạn văn cùng hướng đến chủ đề ca ngợi lối sống giản dị của Bác Hồ.

+ Các câu trong đoạn văn được sắp xếp theo trình tự hợp lí (lô-gíc): câu 1, 2, 3: Bác giản dị trong nơi ở; câu 4, 5: Bác giản dị trong trang phục; câu 6: Bác giản dị trong bữa ăn hằng ngày.

- Về hình thức: Các câu trong văn bản được liên kết chặt chẽ bằng các phép liên kết: phép lặp: nhà sàn, Người; phép thế: Người (thế cho vị Chủ tịch); phép nối: Và; phép đồng nghĩa: giản dị, mộc mạc đơn sơ, đạm bạc.

2. Đoạn thơ của Ta-go có sự liên kết chặt chẽ về nội dung và hình thức:

Về nội dung:

Các câu trong văn bản cùng hướng đến chủ đề: Cuộc trò chuyện của em bé với những người “trên mây”.

Các câu trong văn bản được sắp xếp theo trình tự của cuộc trò chuyện.

về hình thức: Các câu trong văn bản được liên kết chặt chẽ bằng các phép liên kết: phép lặp: mẹ, họ, được, chơi, con, mây, phép thế: họ (thế cho những người “trên mây”); phép nối: nhưng, liên tưởng: sử dụng trường từ vựng về thiên nhiên (bình minh, vàng trắng, trái đất, trời, mây).

3. Vận dụng kiến thức về liên kết câu để xác định các phương tiện liên kết đã sử dụng.

a) Đoạn văn của Nguyễn Thành Long có sự liên kết chặt chẽ bằng các phép liên kết sau: phép lặp: người, anh, suy nghĩ; phép nối: Và; phép thế: anh (thế cho người con trai).

b) Đoạn thơ của Hữu Thỉnh được liên kết chặt chẽ bằng các phép liên kết: phép lặp: thu; phép đồng nghĩa: chùng chình, dềnh dàng-, phép trái nghĩa: qua – về) dềnh dàng – vội vã; liên tưởng: sử dụng trường từ vựng về thiên nhiên (gió, sương, chim, mây...).

c) Đoạn văn của Vũ Khoan được liên kết chặt chẽ bằng các phép liên kết: phép lặp: thế kỉ, thiên niên kỉ, ai, hành trang, con người; phép thế: vậy, thế; liên tưởng: sử dụng trường từ vựng về thời gian (năm, thế kỉ, thiên niên kỉ, thời khắc, cổ, kim).

Xem tiếp tài liệu tại: <https://vndoc.com/tai-lieu-hoc-tap-lop-9>

